

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 429/2024/DS-ST
Ngày: 08 – 7 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh

2. Ông Nguyễn Đình Thức

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị An Thành – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 414/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 554/2024/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 553/2024/QĐST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty T (Việt Nam); Địa chỉ trụ sở: Số I đường P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Phước Quỳnh G, sinh năm 2001; Địa chỉ liên hệ: P, Tầng D Tòa nhà S đường T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 10/01/2024) (Có đơn xin vắng mặt)

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số D đường L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/8/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Công ty T (Việt Nam) do bà Nguyễn Phước Quỳnh G làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 25/11/2020, ông Nguyễn Văn H ký giấy Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 1811502 ngày 25/11/2020 với Công ty T (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là Công ty T) để vay số tiền 73.850.000 đồng, bao gồm khoản vay là 70.000.000 đồng, phí bảo hiểm là 3.850.000 đồng. Hai bên thỏa thuận lãi suất vay là 3.5%/tháng, thời hạn vay là 36 tháng tính từ ngày 07/12/2020 đến ngày 07/11/2023, trong 35 kỳ thanh toán đầu tiên ông H phải trả số tiền nợ gốc và lãi là 3.602.088 đồng, kỳ cuối cùng ông H phải trả số tiền nợ gốc và lãi là 1.362.452 đồng.

Ngày 27/11/2020, Công ty T đã thực hiện việc giải ngân số tiền vay là 70.000.000 đồng vào tài khoản số 0071005228925 của ông Nguyễn Văn H tại Ngân hàng TMCP N. Ông H đã nhận đủ số tiền vay.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông H đã thanh toán được 27 kỳ với tổng số tiền là 97.277.111 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 48.208.353 đồng, tiền lãi trong hạn là 48.724.935 đồng, phí đã trả là 300.000 đồng, lãi chậm trả là 43.823 đồng. Từ ngày 29/5/2023, ông H không thanh toán thêm bất kỳ khoản nào nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng đã thỏa thuận. Công ty T đã gửi thông báo yêu cầu ông H thanh toán nợ quá hạn nhưng ông H vẫn không thanh toán.

Ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 07/3/2023 nên Công ty đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc còn lại của ông H sang nợ quá hạn từ ngày 07/3/2023 và áp dụng lãi suất quá hạn là $3,5\%/tháng \times 150\% = 5,25\%/tháng$, lãi chậm trả là $10\%/năm$ theo thỏa thuận tại khoản 8.3 Điều 8 của Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 1811502 ngày 25/11/2020.

Nay nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu ông Nguyễn Văn H phải thanh toán cho Công ty T số tiền còn nợ theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 1811502 ngày 25/11/2020 tính đến ngày 08/7/2024 là 46.895.595 đồng, trong đó: nợ gốc là 25.641.647 đồng, nợ lãi trong hạn là 4.392.597 đồng, nợ lãi quá hạn là 16.366.626 đồng, tiền lãi chậm trả là 494.725 đồng. Yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ông H còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi và phí phát sinh kể từ ngày 09/7/2024 theo mức lãi suất đã thỏa thuận cho đến khi thanh toán hết nợ.

Toà án nhân dân quận Tân Phú đã thực hiện việc tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đương sự cho ông Nguyễn Văn H nhưng phía bị đơn không có mặt tại Toà án để giải quyết vụ án nên Toà án đưa vụ án ra xét xử theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn: Có đơn xin vắng mặt.
- Bị đơn: Vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú nhận xét quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên Căn cứ Điều 93, 94, 95 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 351, 463, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010;

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty T (Việt Nam).

+ Ông Nguyễn Văn H thanh toán cho Công ty T (Việt Nam) số tiền tính đến ngày 08/7/2024 với tổng số tiền là 46.895.595 đồng, trong đó: nợ gốc là 25.641.647 đồng, nợ lãi trong hạn là 4.392.597 đồng, nợ lãi quá hạn là 16.366.626 đồng, tiền lãi chậm trả là 494.725 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 09/7/2024 cho đến khi trả dứt nợ theo mức lãi suất theo hợp đồng.

- Án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và nghe ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện đề ngày 15/8/2023 của nguyên đơn, giấy Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 1811502 ngày 25/11/2020, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Theo địa chỉ bị đơn cung cấp trong giấy Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 1811502 ngày 25/11/2020, nguyên đơn đã cung cấp địa chỉ bị đơn tại số D đường L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo kết quả xác minh của Công an phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện ông Nguyễn Văn H có hộ khẩu thường trú tại số D đường L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng đã bán nhà, chuyển đi đâu không rõ từ năm 2022 đến nay.

Như vậy, có căn cứ xác định địa chỉ thường trú và địa chỉ ghi trên hợp đồng tín dụng của bị đơn là tại số D đường L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì vậy, trong đơn khởi kiện nguyên đơn đã ghi đúng và đầy đủ nơi cư trú của bị đơn. Nay bị đơn vắng mặt tại địa phương nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ.

Từ những phân tích trên, Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thủ tục xét xử vắng mặt nguyên đơn:* Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 20/5/2024. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn:* Do ông Nguyễn Văn H vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn.

Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ. Tại các thông báo này cũng thể hiện rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn không có mặt, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ, văn bản trình bày ý kiến về vụ kiện, cũng như không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn đã từ bỏ quyền chứng minh của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định pháp luật. Bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về yêu cầu của các đương sự:

[2.1] Về yêu cầu trả nợ gốc:

Xét giấy Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 1811502 ngày 25/11/2020 và lời khai của đại diện nguyên đơn thể hiện thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung không trái với quy định pháp luật nên có hiệu lực từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 385, Điều 401 và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ giấy Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 1811502 ngày 25/11/2020 có cơ sở xác định ông H vay của nguyên đơn số tiền là 73.850.000 đồng, bao gồm khoản vay là 70.000.000 đồng, phí bảo hiểm là 3.850.000 đồng. Và thực tế, nguyên đơn đã chuyển khoản cho bị đơn số tiền là 70.000.000 đồng vào số tài khoản 0071005228925 của bị đơn tại Ngân hàng TMCP N theo phiếu báo nợ ngày 27/11/2020.

Thực hiện hợp đồng vay, ông H chỉ thanh toán được số nợ gốc là 48.208.353 đồng và số tiền nợ gốc còn nợ là 25.641.647 đồng. Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn của bị đơn đã vi phạm quy định của Hợp đồng tín dụng đã ký với nguyên đơn và vi phạm Điều 280, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ông H thanh toán số nợ gốc tính đến ngày 08/7/2024 là 25.641.647 đồng có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu trả nợ lãi:

Tại giấy Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 1811502 ngày 25/11/2020 các bên có thỏa thuận lãi suất cho vay trong hạn là 3.5%/tháng. Ông

H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 07/3/2023 nên Công ty đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc còn lại của ông H sang nợ quá từ ngày 07/3/2023 và áp dụng lãi suất quá hạn là $3,5\%/tháng \times 150\% = 5,25\%/tháng$, lãi chậm trả là $10\%/năm$ theo thỏa thuận tại khoản 8.3 Điều 8 của Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 1811502 ngày 25/11/2020.

Căn cứ Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 về việc quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì Hội đồng xét xử xét thấy hai bên thỏa thuận mức lãi suất, lãi suất quá hạn và phạt vi phạm phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi là 21.253.948 đồng, nợ lãi trong hạn: 4.392.597 đồng, lãi quá hạn: 16.366.626 đồng, lãi chậm trả là 494.725 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng và các khế ước nhận nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[2.3] Về thời hạn và phương thức thanh toán:

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã lâu, đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền trên một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa hôm nay, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn là 46.895.595 đồng, do đó án phí ông H phải chịu là 2.344.780 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ tiền tạm ứng án phí là 780.009 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2023/0006716 ngày 03/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tổ tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277, Điều 385, Điều 401, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 21 và Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 về việc quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T (Việt Nam):

Buộc ông Nguyễn Văn H có trách nhiệm thanh toán cho Công ty T (Việt Nam) số tiền còn nợ theo giấy Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 1811502 ngày 25/11/2020 với tổng số tiền là 46.895.595 đồng (bốn mươi sáu triệu, tám trăm chín mươi lăm nghìn, năm trăm chín mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc là 25.641.647 đồng, lãi trong hạn là 4.392.597 đồng, lãi quá hạn là 16.366.626 đồng, lãi chậm trả là 494.725 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thời hạn thanh toán: Thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Địa điểm thi hành: Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.344.780 đồng (hai triệu, ba trăm bốn mươi bốn nghìn, bảy trăm tám mươi đồng).

- Hoàn trả cho Công ty T (Việt Nam) toàn bộ tiền tạm ứng án phí là 780.009 đồng (bảy trăm tám mươi nghìn, không trăm lẻ chín đồng) theo Biên lai

thủ tiên số AA/2023/0006716 ngày 03/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4/ Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Hương